

Số: 08 /KH-UBND

Lào Cai, ngày 08 tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 07/02/2022 của Ban Thường Tỉnh ủy về chiến lược phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Năm 2024

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 07/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch thực hiện năm 2024 như sau.

I. MỤC TIÊU

1. Giáo dục phổ thông

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT đạt 70%.
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT vào học đại học đạt 45%.
- Tỷ lệ học sinh học ngoại ngữ trong các trường phổ thông đạt 100% (Tỷ lệ học sinh thông thạo một ngoại ngữ đạt 55%).
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT 100% đạt trình độ công nghệ thông tin.

2. Về giáo dục nghề nghiệp

- Tỷ lệ thu hút học sinh tốt nghiệp THCS và THPT vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp, cụ thể:

+ Tỷ lệ thu hút học sinh tốt nghiệp THCS vào học tập tại các cơ sở GDNN đạt 30%.

+ Tỷ lệ thu hút học sinh tốt nghiệp THPT vào học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt 32%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 68,8% (Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 31%).

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động qua đào tạo đạt 51%.

- Cơ cấu lao động làm việc trong các lĩnh vực: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 51,7%; công nghiệp - xây dựng 18,9%; thương mại - dịch vụ 29,4%.

3. Về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức các cấp có trình độ đại học trở lên đạt 67%.

- Tỷ lệ cán bộ công chức có trình độ chuyên môn ngoại ngữ, tin học đạt

chuẩn theo vị trí việc làm đạt 99%.

- Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức có đủ trình độ làm việc trong môi trường quốc tế đạt 2,5%.

- Tỷ lệ cán bộ công chức cấp tỉnh có trình độ trên đại học đạt 15%.

- Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức có trình độ trên đại học đạt 1,6%.

4. Tạo việc làm mới và thu hút nguồn lao động

- Giải quyết việc làm khu vực phi nông nghiệp cho 9.800 lao động.

- Lao động chuyển dịch từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp đạt khoảng 4.800 lao động.

- Thu hút nguồn nhân lực ngoài tỉnh đến làm việc tại các khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa tỉnh Lào Cai đạt khoảng 1.450 lao động.

(Có phụ lục số 01 đính kèm)

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong phát triển nguồn nhân lực

1.1. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải đưa công tác phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm để chỉ đạo triển khai đồng bộ, nhằm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của đơn vị, địa phương đáp ứng yêu cầu sử dụng hằng năm và giai đoạn. Đồng thời hỗ trợ cung ứng nhân lực kịp thời cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực sau đào tạo.

1.2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình số 14/CTr-UBND, ngày 24/8/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 07/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo từng năm, trong đó đặt ra mục tiêu, giải pháp cụ thể, chi tiết, phân công nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện. Định kỳ hằng năm có đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm.

1.3. Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực về nội dung, hình thức, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, dạy học, kiểm tra, đánh giá,... theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của cán bộ công chức, viên chức. Đẩy mạnh phân cấp, thực hiện quyền tự chủ các cơ sở đào tạo, đơn vị sử dụng lao động. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa quản lý ngành, địa phương và các cơ sở đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện tốt công tác dự báo về xu hướng và nhu cầu nhân lực; điều tiết quy mô và cơ cấu, lĩnh vực, ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cả nước.

1.4. Triển khai hiệu quả các chính sách đãi ngộ, thu hút nhân lực của trung ương, của tỉnh. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp và nhân dân hiểu rõ ý nghĩa, tầm

quan trọng và đồng thuận, tích cực tham gia xây dựng, phát triển nguồn nhân lực tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

1.5. Chủ động khảo sát, đánh giá đúng thực trạng nhân lực, đồng thời dự báo nhu cầu đào tạo gắn với sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh trong các lĩnh vực ngành và ở các địa phương. Từ đó đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành, địa phương phù hợp với thực tiễn, tránh lãng phí nguồn nhân lực sau đào tạo.

1.6. Cân đối, bố trí đảm bảo các nguồn lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

1.7. Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, viên chức và người lao động, Nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc phát triển nguồn nhân lực; về các chủ trương, chính sách phát triển nhân lực trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

1.8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

1.9. Báo cáo đánh giá công tác phát triển nguồn nhân lực của đơn vị, địa phương với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua cơ quan Thường trực Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) trước ngày **05/12/2024**.

2. Tập trung phát triển nhân lực trong các lĩnh vực, ngành kinh tế

2.1. Về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành

- Rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý theo phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh nhiệm kỳ 2020 – 2025, 2021 -2026; nhiệm kỳ 2025 – 2030, 2026 - 2031.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức: Xây dựng, ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 22/1/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Lào Cai; Quyết định thay thế Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh Quy định về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

- Tập trung bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý, năng lực ngoại ngữ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh đã được điều chỉnh bổ sung 2 lần (lần 1 tại Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND; lần 2 tại Kỳ họp thứ XVI - HĐND khóa 16).

- Triển khai thực hiện Chiến lược thu hút nhân tài theo Quyết định số 899/QĐ-TTG ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện chính sách tiền lương mới theo quy định của Chính phủ.

- Thực hiện đồng bộ dữ liệu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước với Bộ Nội vụ.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số: Nâng cao chất lượng đào tạo cử tuyển để tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức đối với người dân tộc thiểu số để bổ sung, nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh.

2.3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục chuyên ngành cần thu hút, hỗ trợ đào tạo của tỉnh đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Tiếp tục rà soát nhu cầu đào tạo trình độ sau đại học của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp; phối hợp với các cơ sở đào tạo có uy tín của trung ương để mở các lớp đào tạo sau đại học tại tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục các cấp, đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông, tạo nền tảng chất lượng nguồn nhân lực và tạo nguồn lao động tại chỗ đáp ứng nhu cầu sử dụng cho các ngành, địa phương

3.1. Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường, lớp; phát triển quy mô giáo dục, giáo dục nghề nghiệp hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hệ thống trường, lớp cụ thể đến từng lớp, từng thôn, bản để thực hiện giảm số lượng trường, xóa, gộp điểm trường, giảm lớp, giảm học sinh ở điểm trường lẻ, tăng số học sinh ở trường chính, tăng số HS/lớp để tập trung đầu tư; gắn sắp xếp trường, lớp với thực tiễn, giản biên chế, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của nhân dân, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Tham mưu triển khai xây dựng hiệu quả trường trọng điểm chất lượng giáo dục, giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 để đổi mới, đột phá, xây dựng trường học kiểu mẫu, nâng cao chất lượng giáo dục và giáo dục nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, huy động sự chung tay của các tổ chức, cá nhân, nhân dân trong việc tham gia xã hội hoá giáo dục.

- Rà soát, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên theo hướng cân đối về số lượng, hợp lý về cơ cấu và dựa trên chất lượng, hiệu quả công việc, phát triển đội ngũ viên chức theo Đề án số 06 của Tỉnh ủy “Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025”.

3.2. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đảm bảo đủ về số lượng, cơ cấu các môn học, sắp xếp, điều tiết giáo viên giữa các cơ sở giáo dục đảm bảo hợp lý; chú trọng công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng để nâng cao nhận thức, tạo sự đoàn kết, thống nhất toàn ngành, xây dựng đội ngũ nhà giáo thực sự gương mẫu, là tấm gương sáng về mọi mặt cho học sinh noi theo.

- Đề xuất với Chính phủ thực hiện đổi mới chính sách cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức để thu hút, giữ chân nguồn nhân lực có chất lượng ở khu vực công.

3.3. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; kiểm định giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia

- Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông 2018; đổi mới mạnh mẽ đồng bộ về nội dung, hình thức, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học. Tăng cường hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Đánh giá, tổng kết và nhân rộng các mô hình trường học, mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp giáo dục, mô hình quản lý giáo dục hiệu quả.

- Tiếp tục đầu tư nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục đảm bảo đủ thiết bị dạy học, đặc biệt là huy động nguồn xã hội hóa giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học. Tiếp tục có các giải pháp đồng bộ để huy động đảm bảo đủ sách, vở, đồ dùng học tập cho học sinh vùng khó khăn. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; từng bước đầu tư xây dựng trường học hiện đại, chất lượng cao, trường học thông minh; hỗ trợ các điều kiện đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học; bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo; tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục, duy trì, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, quản lý, chỉ đạo, điều hành; trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá một cách sáng tạo, thiết thực, hiệu quả. Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ; đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế.

3.4. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn

- Triển khai thực hiện tốt Đề án phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú giai đoạn 2020 - 2025 và đến năm 2030.

- Củng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; xây dựng trường học vùng cao trở thành trung tâm văn hóa giáo dục, văn hoá cộng đồng tại các địa phương vùng cao. Thực hiện từng bước chuẩn hóa giáo dục vùng cao. Xây dựng mô hình trường PTDTNT, PTDTBT gắn với lao động sản xuất, hướng nghiệp, dạy nghề, nghiên cứu khoa học, văn hóa dân tộc...

- Đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với học sinh dân tộc thiểu số; đảm bảo chất lượng dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc, làm tốt công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS. Chú trọng giáo dục đoàn kết các dân tộc, văn hóa các dân tộc cho học sinh; thực hiện các hoạt động giáo dục đặc thù, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, chuyển mạnh sang hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm gắn với xây dựng mô hình trường học gắn với thực tiễn, nội trú, bán trú tự quản, hướng nghiệp - dạy nghề; tăng cường kỷ cương, nề nếp trong quản lý thực hiện nhiệm vụ giáo dục dân tộc, đặc biệt là thực hiện chế độ, chính sách cho CBQL, GV, HS.

3.5. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non, xóa mù chữ; giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh; xây dựng xã hội học tập

- Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, nhất là phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 4 tuổi; duy trì 100% số xã, huyện đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3. Tỷ lệ phổ cập giáo dục THCS phấn đấu và duy trì đạt mức độ 2 ở các huyện, thị xã, thành phố.

- Xóa mù chữ mức độ 1, mức độ 2 khoảng 6.000 người trong độ tuổi từ 15 - 60; nâng tỷ lệ người biết chữ lên 96%; đào tạo nghề cho người lao động, trong đó, người biết chữ trong độ tuổi từ 15-35 đạt tỷ lệ 32%.

- Tăng cường tổ chức các Hội nghị, ngày hội tư vấn định hướng nghề nghiệp, tuyên sinh gắn với giải quyết việc làm cho học sinh trên địa bàn toàn tỉnh, địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019 - 2025 (Đề án số 522 của Thủ tướng chính phủ).

3.6. Đổi mới công tác quản lý giáo dục và đào tạo, đảm bảo dân chủ, công khai, thống nhất; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, công khai, minh bạch đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người lao động. Tiếp tục tổ chức triển khai tốt công tác chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định. Giải quyết kịp thời, dứt điểm những bức xúc, khiếu nại, tố cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

- Thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính; thực hiện dân chủ trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị; tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

3.7. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng dạy, học ngoại ngữ, tin học

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, Kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục; Xây dựng, hoàn thiện và triển khai đồng bộ Nền tảng quản lý thông tin tổng thể ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai.

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử.

- Xây dựng hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn ngoại ngữ của từng đơn vị, từng khối lớp, phù hợp với mục tiêu và điều kiện thực tế. Xây dựng kế hoạch dạy tích hợp tiếng Anh trong môn học, dạy song ngữ tiến tới dạy các môn khoa học bằng tiếng Anh. Tăng cường công tác đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng chuẩn quốc tế.

3.8. Đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông: Thường xuyên quan tâm, tổ chức các hoạt động giáo dục, thăm quan trải nghiệm,... về giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Nâng tỷ lệ học sinh tham gia học nghề phù hợp, gắn với tạo việc làm ổn định, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và chất lượng lao động của tỉnh.

3.9. Chủ động hội nhập, hợp tác và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế: Tăng cường hợp tác, giao lưu tiếp thu các phương pháp công nghệ, đưa chương trình học tiên tiến của nước ngoài vào các cơ sở giáo dục, đào tạo của tỉnh. Khuyến khích các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp chủ động hội nhập quốc tế, liên kết đào tạo; thu hút, tiếp nhận người nước ngoài, chuyên gia, giảng viên giỏi đến giảng dạy tại các cơ sở giáo dục,...

4. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp (GDNN), đáp ứng nhu cầu đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường lao động

4.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhằm thay đổi nhận thức, trách nhiệm và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, từng hộ gia đình và người dân về học nghề gắn với giải quyết việc làm có thu nhập ổn định cho người lao động là "chìa khóa" giúp thực hiện thành công công cuộc giảm nghèo bền vững ở các địa phương.

4.2. Đa dạng hóa các hình thức, phương thức tuyên truyền cung cấp thông tin về giáo dục phân luồng, định hướng nghề nghiệp, việc làm. Khuyến khích thành lập các nhóm zalo Tổ trưởng/trưởng thôn và các thành viên thuộc cụm, tổ dân cư để trao đổi thông tin chính thống về định hướng học nghề gắn với giải quyết việc làm, nhu cầu nhân lực, tuyển lao động của doanh nghiệp đến với người dân.

4.3. Tổ chức Ngày hội tư vấn hướng nghiệp - Giới thiệu việc làm cấp tỉnh lần thứ 2 năm 2024, thu hút khoảng 1.200 học sinh, sinh viên, người lao động tham gia tư vấn định hướng nghề nghiệp, kết nối tìm việc làm; 18 hội nghị đối thoại về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh THPT, THCS, THPT tại 18 điểm trường trên địa bàn tỉnh; 70 phiên giao dịch việc làm lưu động tại các huyện, thị xã, thành phố kết nối việc làm cho người dân.

4.4. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tăng cường kết nối cung cầu lao động giữa tỉnh Lào Cai với các tỉnh trên cả nước.

4.5. Thực hiện sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho các ngành/ngành trọng điểm và các ngành/ngành có nhu cầu đào tạo cao, phù hợp với xu hướng phát triển cho Trường Cao đẳng Lào Cai và các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp. Trong đó tập trung đầu tư đồng bộ các yếu tố nâng cao chất lượng đào tạo cho Trường Cao đẳng Lào Cai từ nguồn lực các Chương trình mục tiêu quốc gia,...

4.6. Rà soát, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên làm công tác giáo dục nghề nghiệp bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo; đảm bảo số lượng giáo viên thực hiện nhiệm vụ.

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, chú trọng đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; bồi dưỡng nhà giáo giảng dạy các ngành nghề trọng điểm, đào tạo về ngoại ngữ, kỹ năng nghề quốc gia... đảm bảo từng bước đạt chuẩn nhà giáo cho trường Cao đẳng Lào Cai đạt trường chất lượng cao.

Tổ chức 02 lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho khoảng 70 cán bộ, nhà giáo tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh.

4.7. Phát triển và triển khai đào tạo một số chương trình chất lượng cao. Rà soát, xây dựng, biên soạn mới; cập nhật, sửa đổi bổ sung, số hóa các chương trình, giáo trình và tài liệu giảng dạy, học tập để cung cấp tư liệu học tập cho người học. Triển khai các nội dung về chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Ứng dụng thiết bị internet, truyền hình, video Clip trong công tác giảng dạy và thực hành.

4.8. Duy trì liên kết đào tạo với các trường trung cấp, cao đẳng ngoài tỉnh tổ chức đào tạo cho những ngành nghề tỉnh chưa có hoặc còn thiếu so với nhu cầu nhân lực mà các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được.

4.9. Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực cho hệ thống Trung tâm Dịch vụ việc làm nhằm cung cấp dữ liệu chính xác về thông tin thị trường lao động. Đẩy mạnh hoạt động các phiên giao dịch việc làm tại trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các huyện, thị xã, thành phố cung ứng nhân lực cho thị trường; hỗ trợ, điều phối và quản lý thị trường lao động trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia học nghề, tiếp cận thông tin về thị trường lao động, việc làm và doanh nghiệp để tiếp cận cung lao động.

4.10. Triển khai có hiệu quả các giải pháp về phát triển giáo dục nghề nghiệp, thị trường lao động, tạo việc làm. Đào tạo lực lượng lao động của tỉnh đủ về số lượng, cơ cấu và chất lượng phù hợp với nhu cầu sử dụng, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm. Đặc biệt quan tâm đào tạo nghề, hỗ trợ kết nối việc làm cho người lao động yếu thế (Người bị thu hồi đất sản xuất, người khuyết tật,

người chấp hành xong án phạt tù,...), thanh niên hoàn thành nghĩa vụ đối với Tổ quốc,...

4.11. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác tổ chức giảng dạy, đào tạo giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh được duy trì thường xuyên liên tục.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực

5.1. Triển khai, hướng dẫn CBCCVC tham gia đăng ký dự tuyển các Chương trình học bổng phát triển của chính phủ các nước: Ấn Độ, Nhật Bản, Anh, Australia,.. để dành các suất học bổng đào tạo sau đại học ở nước ngoài dành cho cán bộ, công chức, viên chức.

5.2. Đẩy mạnh phối hợp, hợp tác quốc tế về đào tạo nhân lực, đặc biệt là đào tạo ngoại ngữ, chia sẻ tiếp cận khoa học kỹ thuật tiên tiến trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động.

5.3. Tiếp tục hội đàm với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc để nối lại việc đưa lao động qua biên giới làm việc theo hợp đồng, mở rộng cơ hội việc làm cho người dân trên địa bàn tỉnh.

5.4. Tiếp tục triển khai các chương trình hợp tác với các tổ chức quốc tế như: Tổ chức GIZ (Đức); Trường Đại học KOPO 4 của Hàn quốc; Hợp tác với Úc thông qua dự án Great trong lĩnh vực du lịch, Đại sứ quán Mỹ thông qua chương trình tiếng Anh thuộc dự án Access; Các trường Đại học, Cao đẳng của tỉnh Vân Nam – Trung Quốc); Hợp tác với Phần Lan thông qua tổ chức Findpartnership,.. để phát triển chương trình, đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, đào tạo sinh viên để có thể làm việc ở trong nước và nước ngoài.

5.5. Tăng cường triển khai các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức nhằm kịp thời chuyển tải chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đặc biệt là chính sách hỗ trợ chi phí, vay vốn; tuyên truyền về hiệu quả, lợi ích mang lại, nâng cao nhận thức của người dân, nhằm tạo bước chuyển biến tích cực, tạo thành phong trào mạnh mẽ trong công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao chất lượng tuyển chọn đầu vào, giúp người lao động có thời gian tìm hiểu trước về công ty tiếp nhận, công việc tại nước ngoài cũng như có định hướng, mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng, tác phong tích cực, từ đó được các doanh nghiệp sử dụng lao động ở nước ngoài tuyển chọn, đánh giá cao.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, chương trình, đề án; huy động, bảo đảm nguồn lực đầu tư phát triển nguồn nhân lực

6.1. Xây dựng quan hệ lao động lành mạnh, bảo đảm an toàn lao động và các chế độ về tiền lương, phúc lợi xã hội đối với người lao động trong doanh nghiệp theo pháp luật.

6.2. Xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế xã hội thu hút, kêu gọi, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vào đầu tư tại tỉnh, thu hút lao động của tỉnh Lào Cai vào làm việc gắn với thu nhập ổn định.

6.3. Đề xuất xây dựng chính sách đặc thù của địa phương “Hỗ trợ đầu tư, phát triển hệ thống kỹ thuật Khu, cụm công nghiệp”; tiếp tục chủ động, tích cực hỗ trợ, khuyến khích hình thành cụm công nghiệp theo Kế hoạch số 358/KH-UBND ngày 28/10/2022 để tạo mặt bằng sạch, thu hút các nhà đầu tư.

6.4. Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, thu hút nhiều lao động, đặc biệt là lao động nông thôn và lao động là người dân tộc thiểu số có việc làm ổn định. Đề xuất xây dựng chính sách đặc thù của địa phương “Hỗ trợ kinh phí ban đầu cho người lao động tỉnh Lào Cai trước khi đi làm việc ngoài tỉnh theo hợp đồng từ 01 tháng trở lên”.

6.5. Đẩy mạnh các hoạt động nâng cao ý thức của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về chuyển đổi số và thương mại điện tử xuyên biên giới, đặc biệt với những ngành hàng nông sản. Đề xuất với Bộ Công thương phối hợp với các tập đoàn thương mại điện tử xuyên biên giới trong và ngoài nước tổ chức các hoạt động đào tạo giúp từng bước nâng cao khả năng chuyển đổi số, tập huấn kỹ năng bán hàng (bao gồm cả marketing, dịch vụ khách hàng, dịch vụ sau bán hàng...) trên môi trường số, tiến tới xây dựng và củng cố thương hiệu hàng hóa của Lào Cai.

6.6. Tổ chức khóa đào tạo tập huấn ngắn hạn cho doanh nghiệp trong vùng Tây Bắc; Tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ xúc tiến thương mại tại thành phố Lào Cai và huyện Bát Xát; Tổ chức lớp tập huấn phát triển nguồn nhân lực thương mại tại huyện Bát Xát và huyện Văn Bàn.

6.7. Tiếp tục bố trí, cân đối nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương (Dự án, Đề án, Chương trình MTQG, Chương trình mục tiêu,...), địa phương đảm bảo triển khai hiệu quả công tác phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai năm 2024.

(Có phụ lục số 02 đính kèm)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đôn đốc, theo dõi, đánh giá, kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch này. Hằng năm tham mưu xây dựng báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh.

- Chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ: 1 (1.1, 1.2, 1.3, 1.5, 1.7, 1.8, 1.9), 4, 5 (5.3, 5.5), 6 (6.1, 6.4) kế hoạch này.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ khác của Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ của ngành.

- Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh thường xuyên thu thập, chia sẻ cung cấp dữ liệu, thông tin thị trường lao động đến các địa phương, đặc biệt thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động, người tìm việc để các địa phương chủ động rà soát lại và có kế hoạch kết nối cung - cầu lao động.

- Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ: 1.5, 1.7; 4.1, 4.6, 4.7 Kế hoạch này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan cân đối, bố trí kinh phí từ các nguồn vốn do Sở quản lý, theo dõi (nếu có) để thực hiện nội dung Kế hoạch đảm bảo theo quy định. Chủ trì tham mưu thực hiện nhiệm vụ 6.2, 6.7 của Kế hoạch.

- Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ khác tại Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trong việc cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch phù hợp với khả năng ngân sách. Chủ trì tham mưu thực hiện nhiệm vụ 1.6, 6.7 của Kế hoạch.

- Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ khác tại Kế hoạch này.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ: 1.3, 1.4; 2, 5.1, 5.2 của Kế hoạch.

- Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ khác tại Kế hoạch này.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông, tạo nền tảng chất lượng nguồn nhân lực và tạo nguồn lao động tại chỗ của địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện nhiệm vụ 3 của Kế hoạch.

- Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ khác tại Kế hoạch này.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với các sở ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí, địa phương tuyên truyền về nội dung Kế hoạch.

- Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ khác tại Kế hoạch này.

7. Sở Công thương

- Chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ: 6.3, 6.5, 6.6 của Kế hoạch.
- Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ khác tại Kế hoạch này.

8. Sở Du lịch

- Chủ động khảo sát, đánh giá, dự báo nhu cầu sử dụng lao động thuộc lĩnh vực ngành quản lý gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 25/2/2024 phục vụ xây dựng Kế hoạch đào tạo nhân lực và dự báo thông tin thị trường lao động trên địa bàn tỉnh.

- Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ khác tại Kế hoạch này.

9. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

- Hằng năm khảo sát, thống kê số lượng lao động đã qua đào tạo nghề và lao động có nhu cầu đào tạo nghề; nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp. Xác định rõ các nhu cầu về số lượng, chất lượng, trình độ, kỹ năng của nguồn nhân lực và các ngành, nghề mà các doanh nghiệp đang cần. Dự báo nhu cầu lao động qua đào tạo nghề ở từng cấp trình độ, từng lĩnh vực đào tạo, từng ngành kinh tế, từ đó thống nhất quan điểm, xác định mục tiêu phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đưa lao động đi đào tạo và liên kết tuyển dụng lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu.

- Xây dựng mục thông tin tuyển dụng trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai, thường xuyên cập nhật bài và thông tin liên quan về tuyển dụng của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu.

- Đề xuất tỉnh có cơ chế, chính sách đồng bộ phát triển nguồn nhân lực như: Hỗ trợ người học nghề ở trình độ cao, hỗ trợ doanh nghiệp tuyển lao động địa phương có tay nghề, chuyên môn kỹ thuật cao; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo để hằng năm tuyển chọn những sinh viên ưu tú cử đi nước ngoài đào tạo với cam kết quay về phục vụ doanh nghiệp.

- Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ khác tại Kế hoạch này.

10. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh quốc gia đối với các hoạt động giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, lao động, việc làm; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh công dân, người lao động; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ khác tại Kế hoạch này.

11. Các sở, ban ngành có liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị có trách nhiệm thực hiện nội dung của Nghị quyết số 26-NQ/TU; phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, các ngành liên quan của tỉnh và các địa phương tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

- Chủ động đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức thuộc lĩnh vực ngành, đơn vị quản lý gửi về Sở Nội vụ, Bộ chủ quản để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

- Hằng năm dự báo nhu cầu sử dụng lao động thuộc lĩnh vực ngành quản lý gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày **25/2/2024** để tổng hợp, phục vụ công tác dự báo thông tin thị trường lao động trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các địa phương xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng vào tỉnh làm việc, đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 26/NQ-TU năm 2024.

12. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ Kế hoạch của tỉnh, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch của địa phương; lồng ghép các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2024; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ động phối hợp với các Sở: Nội vụ, Lao động – Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực của địa phương năm 2024 phù hợp với thực tiễn và mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 26-NQ/TU.

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ: 1, 2, 4, 5 (trừ 5.4), 6 của Kế hoạch phù hợp tại địa phương

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch; theo dõi, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương; đôn đốc, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

13. Các Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp

- Chủ động đổi mới, hội nhập để không ngừng nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo của đơn vị; xây dựng, hoàn thiện Chiến lược (hoặc Kế hoạch đào tạo, cung ứng nhân lực) của đơn vị đến năm 2030 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm phát huy hết năng lực đào tạo của đơn vị phục vụ nhu cầu học tập, bồi dưỡng nghề cho người dân của tỉnh và các tỉnh lân cận. Đẩy mạnh kết nối việc làm cho người học trong và sau đào tạo.

- Tham mưu, đề xuất với các cấp có thẩm quyền thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ 3, 4, 5 của Kế hoạch.

- Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ khác tại Kế hoạch này.

- Riêng trường Cao đẳng Lào Cai tập trung tham mưu, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ: 4.5, 4.6, 4.7, 5.4 Kế hoạch này.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham gia tổ chức triển khai các hoạt động của Kế hoạch; Tăng cường công tác giám sát, phản biện góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 07/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2024 của UBND tỉnh; yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện ./

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 26/NQ-TU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)



TT	DVT	Mục tiêu của Đề án			Mục tiêu Kế hoạch 141/KH-UBND năm 2023	Kết quả thực hiện năm 2022	Kết quả thực hiện năm 2023	So sánh (%)				Kế hoạch năm 2024	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
		Đến 2030	Mục tiêu của Đề án 2022	Mục tiêu của Đề án 2023				TH 2023/TH 2022	TH 2023/MT DA 2023	TH 2023/MT KH 141	TH 2023/DA 2030				
A Nhóm chỉ tiêu về giáo dục phổ thông															
1	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT	%	80%	76%	74%	78%	77,42%	82,75%	106,88%	112%	106%	103%	70,00%	Sở Giáo dục &ĐT	UBND các huyện, TX, thành phố. (bao gồm học THPT, GDTX, các lớp học nghề trung cấp).
2	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT vào học đại học	%	45%	39%	40%	40%	39,75%	46,68%	117,43%	117%	117%	104%	45,00%	Sở Giáo dục &ĐT	UBND các huyện, TX, thành phố.
3	Tỷ lệ học sinh học ngoài ngữ trong các trường phổ thông	%	100%	70%	75%	98%	98,2%	100%	101,83%	133%	102%	100%	100%	Sở Giáo dục &ĐT	
-	Tỷ lệ học sinh thông thạo 01 ngoại ngữ	%	100%	40%	55%	55%	38%	53%	139,47%	96%	96%	53%	55%	Sở Giáo dục &ĐT	
4	Học sinh sau khi tốt nghiệp THPT đạt trình độ về công nghệ thông tin														Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học công nghệ
B Nhóm chỉ tiêu về giáo dục nghề nghiệp															
1	Thu hút học sinh đã tốt nghiệp THCS và THPT vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp	%	50-55%	30%	32%	32%	22,24%	22,64%	101,80%	71%	71%	43%	32,00%	Sở LĐTBXH, UBND các huyện, TX, TP	Các cơ sở GDNH; Phân hiệu Đại học Thái nguyên tại Lào Cai



TT	Mục tiêu của Đề án	ĐVT	Mục tiêu của Đề án				Kết quả thực hiện năm 2022	Kết quả thực hiện năm 2023	So sánh (%)				Kế hoạch năm 2024	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
			Mục tiêu của Đề án 2022	Mục tiêu của Đề án 2023	Kế hoạch 141/KH-UBND năm 2023	TH 2023/TH 2022			TH 2023/MT DA 2023	TH 2023/MT KH 141	TH 2023/DA 2030				
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến 2025	%	80%	66,7%	67,70%	68%	66,7%	67,70%	101,50%	100%	100%	85%	68,80%	Sở LĐTBXH; UBND các huyện, TX, TP	Các cơ sở GDNN; Phân hiệu Đại học Thái nguyên tại Lào Cai
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	45%	28,1%	29,30%	29,3%	28,1%	29,30%	104,27%	100%	100%	65%	31,00%	Sở LĐTBXH; UBND các huyện, TX, TP	Các cơ sở GDNN; Phân hiệu Đại học Thái nguyên tại Lào Cai
3	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi qua đào tạo	%	52%	40%	42%	50,20%	49,01%	50,30%	102,63%	123%	100%	97%	51,00%	Sở LĐTBXH; UBND các huyện, TX, TP	Ban Dân tộc; Các cơ sở GDNN; Phân hiệu Đại học Thái nguyên tại Lào Cai
5	Cơ cấu lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	45%	55%	53,12%	52,70%	53,70%	52,70%	98,14%	97%	100%	117%	51,70%	Sở LĐTBXH; UBND các huyện, TX, TP	Các cơ sở Công thương; Nông nghiệp & PTNT; Sở Văn hóa - TTDL; Kế hoạch và Đầu tư
6	Cơ cấu lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp xây dựng	%	23%	18,01%	18,68%	18,6%	18%	18,60%	102,20%	101%	100%	81%	18,90%	Sở LĐTBXH; UBND các huyện, TX, TP	
7	Cơ cấu lao động làm việc trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ	%	32%	26,9%	28,0%	27,72%	28,1%	28,70%	102,14%	104%	104%	90%	29,40%	Sở LĐTBXH; UBND các huyện, TX, TP	
C	Nhóm chỉ tiêu phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức														
1	Tỷ lệ cán bộ công chức viên chức các cấp có trình độ đại học trở lên (cấp tỉnh, huyện, xã)	%	100%	89,71%	91,00%	65,40%	65,32%	65,55%	100,35%	72%	100%	66%	67,00%	Các cơ sở ngành; UBND các huyện, tp, tx	
2	Tỷ lệ cán bộ công chức có trình độ về chuyên môn ngoại ngữ, tin học đạt chuẩn theo vị trí việc làm	%	100%	96%	97%	98%	97%	98,00%	101,03%	101%	101%	98%	99,00%	Các cơ sở, ban, ngành; UBND các huyện, tp, tx	

TT	Mục tiêu	ĐVT	Mục tiêu của Đề án			Mục tiêu Kế hoạch 141/KH-UBND năm 2023	Kết quả thực hiện năm 2022	Kết quả thực hiện năm 2023	So sánh (%)				Kế hoạch năm 2024	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
			Đến 2030	Mục tiêu của Đề án 2022	Mục tiêu của Đề án 2023				TH 2023/TH 2022	TH 2023/MT DA 2023	TH 2023/MT KH 141	TH 2023/DA 2030			
3	Tỷ lệ viên chức có trình độ, về chuyên môn ngoại ngữ, tin học đạt chuẩn theo vị trí việc làm	%	100%	84%	86,0%	90,5%	90%	90,75%	100,83%	106%	100%	91%	92,00%	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, tp, tx	Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ làm việc trong môi trường Quốc tế	%	15-20%	2,4%	3,0%	2,4%	2,4%	1,98%	82,50%	66%	83%	11%	2,50%	Các sở ngành; UBND các huyện, tp, tx	
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh có trình độ trên đại học	%	20%	14%	14,20%	14,05%	14,03%	14,08%	100,36%	99%	100%	70%	15,00%	Các sở, ban, ngành,	
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện có trình độ trên đại học	%	4%	1,21%	1,60%	1,47%	1,45%	1,50%	103,45%	94%	102%	38%	1,60%	UBND các huyện, tx, tp	
D	Nhóm chỉ tiêu tạo việc làm và thu hút nguồn lao động đến tỉnh Lào Cai làm việc, sinh sống														
1	Tạo việc làm mới khu vực phi nông nghiệp	Người	300.000	33.330	66.660	9.500	10.650	11.920	111,92%	31,95%	125,47%	8%	9.800	Sở Lao động - TBXH, UBND các huyện, TX, TP	Các sở, ban, ngành
2	Chuyển dịch lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp	Người	30.000	3.330	6.660	3.600	4.270	4.650	108,90%	128,23%	129,17%	30%	4.800	Sở Lao động - TBXH, Sở Công Thương, Sở Du lịch, Sở Y tế,... UBND các huyện, TX, TP	Các sở, ban, ngành
3	Thu hút nguồn nhân lực ngoài tỉnh đến làm việc tại các khu kinh tế, các khu cụm công nghiệp, các doanh nghiệp trên địa tỉnh Lào Cai	Người	270.000	30.000	60.000	1.310	1.260	1.400	111,11%	4,20%	106,87%	1%	1.450	Sở Công Thương, Sở Lao động - TBXH, UBND các huyện, TX, TP	Các sở, ban, ngành
4	Thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, đãi ngộ nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025 (Theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND)							Lưu ý kết quả thực hiện đến năm 2023					Kế hoạch năm 2024	Sở Y tế, Sở Giáo dục và ĐT, các sở ngành, địa phương	
	TS người hỗ trợ	Người						2829					800		



PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 26/NQ-TU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2024

Kèm theo Kế hoạch số: 08 /KH-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)



TT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1.1	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Sở Lao động - TBXH	Các sở, ban, ngành có liên quan
1.2	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Sở Lao động - TBXH	
1.3	Sở Nội vụ; Sở Lao động - TBXH, Sở Giáo dục và ĐT, Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ sở GDNN; các sở, ban ngành có liên quan


Nhiệm vụ giải pháp

TT		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1.4	<p>Triển khai hiệu quả các chính sách đãi ngộ, thu hút nhân lực của trung ương, của tỉnh. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp và nhân dân hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng và đồng thuận, tích cực tham gia xây dựng, phát triển nguồn nhân lực tại cơ quan, đơn vị, địa phương.</p>	<p>Sở Nội vụ; Sở Lao động - TBXH, Sở Giáo dục và DT, Sở Y tế</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ sở GDNN; các sở, ban ngành có liên quan</p>
1.5	<p>Chủ động khảo sát, đánh giá đúng thực trạng nhân lực, đồng thời dự báo nhu cầu đào tạo gắn với sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh trong các lĩnh vực ngành và ở các địa phương. Từ đó đề xuất nhu cầu đào, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành, địa phương phù hợp với thực tiễn, tránh lãng phí nguồn nhân lực sau đào tạo.</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>	<p>Các cơ sở GDNN; Trung tâm DVVL tỉnh; các sở, ban ngành có liên quan</p>
1.6	<p>Cần đổi, bỏ trí đảm bảo các nguồn lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.</p>	<p>Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ sở GDNN; các sở, ban ngành có liên quan</p>
1.7	<p>Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, viên chức và người lao động; Nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc phát triển nguồn nhân lực; về các chủ trương, chính sách phát triển nhân lực trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân</p>	<p>Sở Nội vụ; Sở Lao động - TBXH, Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ sở GDNN; các sở, ban ngành có liên quan</p>
1.8	<p>Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.</p>	<p>Sở Nội vụ; Sở Lao động - TBXH, Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ban ngành có liên quan</p>
1.9	<p>Báo cáo đánh giá công tác phát triển nguồn nhân lực của đơn vị, địa phương với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua cơ quan thường trực Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) trước ngày 05/12/2024.</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ban ngành có liên quan</p>	<p>Các cơ sở GDNN</p>
2	<p>Tập trung phát triển nhân lực trong các lĩnh vực, ngành kinh tế.</p>		

TT	Nhiệm vụ giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2.1	<p><i>Về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành.</i></p> <p>- Rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý theo phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh nhiệm kỳ 2020 -2025(2021-2026); nhiệm kỳ 2025-2030(2026-2031).</p>	Sở Nội vụ	<p>Các sở, ban ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
	<p>- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; Xây dựng, ban hành Quyết định thay thế Quyết định 05/2021/QĐ-UBND ngày 22/1/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Lào Cai; Quyết định thay thế Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh Quy định về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức;</p>	Sở Nội vụ	<p>Các sở, ban ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
	<p>- Tập trung bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý, năng lực ngoại ngữ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.</p>	Sở Nội vụ	<p>Các sở, ban ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
	<p>- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh đã được điều chỉnh bổ sung 2 lần (Lần 1 tại Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND; lần 2 tại Kỳ họp HĐND ngày 7, 8 tháng 12 năm 2023)</p>	Sở Nội vụ	<p>Các sở, ban ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
	<p>- Triển khai thực hiện Chiến lược thu hút nhân tài theo Quyết định số 899/QĐ-TTG ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện chính sách tiền lương mới theo quy định của Chính phủ.</p>	Sở Nội vụ	<p>Các sở, ban ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
	<p>- Thực hiện đồng bộ dữ liệu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước với Bộ Nội vụ.</p>	Sở Nội vụ	<p>Các sở, ban ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
2.2.	<p><i>Nhiệm vụ, giải pháp phát triển nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số.</i></p>		




TT	Nhiệm vụ giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	<p>Nâng cao chất lượng đào tạo cử tuyển để tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức đối với người dân tộc thiểu số để bổ sung, nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh.</p>	<p>Sở Giáo dục và DT; Sở Nội vụ</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
2.3.	<p>Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.</p> <p>Rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục chuyên ngành cần thu hút, hỗ trợ đào tạo của tỉnh đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Tiếp tục rà soát nhu cầu đào tạo trình độ sau đại học của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp; phối hợp với các cơ sở đào tạo có uy tín của trung ương để mở các lớp đào tạo sau đại học tại tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo.</p>	<p>Sở Nội vụ</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
3	<p>Nâng cao chất lượng giáo dục các cấp, đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông, tạo nền tảng chất lượng nguồn nhân lực và tạo nguồn lao động tại chỗ đáp ứng nhu cầu sử dụng cho các ngành, địa phương.</p>		
3.1.	<p>Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường, lớp; phát triển quy mô giáo dục, giáo dục nghề nghiệp hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân</p>	<p>Sở Giáo dục và DT, Sở Lao động - TBXH</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
	<p>Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hệ thống trường, lớp cụ thể đến từng lớp, từng thôn, bản để thực hiện giảm số lượng trường, xóa, gộp điểm trường, giảm lớp, giảm học sinh ở điểm trường lẻ, tăng số học sinh ở trường chính, tăng số HS/lớp để tập trung đầu tư, gắn sắp xếp trường, lớp với thực hiện tình, giảm biên chế, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của nhân dân, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện</p>	<p>Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
	<p>Tham mưu triển khai xây dựng hiệu quả trường trọng điểm chất lượng giáo dục, giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 để đổi mới, đột phá, xây dựng trường học kiểu mẫu, nâng cao chất lượng giáo dục và giáo dục nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập.</p>	<p>Sở Giáo dục và DT, Sở Lao động - TBXH</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>

TT	Nhiệm vụ giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	<p>- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, huy động sự chung tay của các tổ chức, cá nhân, nhân dân trong việc tham gia xã hội hoá giáo dục.</p> 	Sở Giáo dục và DT, Sở Lao động - TBXH	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan
	<p>- Rà soát, bổ trí, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên theo hướng cân đối về số lượng, hợp lý về cơ cấu và dựa trên chất lượng, hiệu quả công việc, phát triển đội ngũ viên chức theo Đề án số 06 của Tỉnh ủy “Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025.</p>	Sở Giáo dục và DT, Sở Lao động - TBXH	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan
3.2	<p><i>Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới.</i></p>	Sở Giáo dục và DT, Sở Lao động - TBXH	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan
	<p>- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đảm bảo đủ về số lượng, cơ cấu các môn học, sắp xếp, điều tiết giáo viên giữa các cơ sở giáo dục đảm bảo hợp lý; chú trọng công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng để nâng cao nhận thức, tạo sự đoàn kết, thống nhất toàn ngành, xây dựng đội ngũ nhà giáo thực sự gương mẫu, là tấm gương sáng về mọi mặt cho học sinh noi theo</p>	Sở Giáo dục và DT, Sở Lao động - TBXH	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan
	<p>- Đề xuất với Chính phủ thực hiện đổi mới chính sách cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức để thu hút, giữ chân nguồn nhân lực có chất lượng ở khu vực công.</p>	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và DT, Sở Lao động - TBXH	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan
3.3.	<p><i>Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; kiểm định giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia</i></p>	Sở Giáo dục và DT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan


Nhiệm vụ giải pháp


TT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
<p>- Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông 2018; đổi mới mạnh mẽ đồng bộ về nội dung, hình thức, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học. Tăng cường hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Đánh giá, tổng kết và nhân rộng các mô hình trường học, mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp giáo dục, mô hình quản lý giáo dục hiệu quả.</p>	<p>Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
<p>- Tiếp tục đầu tư nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục đảm bảo đủ thiết bị dạy học, đặc biệt là huy động nguồn xã hội hóa giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học. Tiếp tục có các giải pháp đồng bộ để huy động đảm bảo đủ sách, vở, đồ dùng học tập cho học sinh vùng khó khăn. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; từng bước đầu tư xây dựng trường học hiện đại, chất lượng cao, trường học thông minh; hỗ trợ các điều kiện đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học; bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo; tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục, duy trì, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.</p>	<p>Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
<p>- Đẩy mạnh chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, quản lý, chỉ đạo, điều hành; trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá một cách sáng tạo, thiết thực, hiệu quả. Nâng cao chất lượng dạy và học ngoài ngữ; đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế.</p>	<p>Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
<p>3.4 <i>Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.</i></p>		
<p>- Triển khai thực hiện tốt Đề án phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú giai đoạn 2020-2025 và đến năm 2030.</p>	<p>Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
<p>- Cùng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, xây dựng trường học vùng cao trở thành trung tâm văn hóa giáo dục, văn hoá cộng đồng tại các địa phương vùng cao. Thực hiện từng bước chuẩn hóa giáo dục vùng cao. Xây dựng mô hình trường PTD TNT, PTD TBT gắn với lao động sản xuất, hướng nghiệp, dạy nghề, nghiên cứu khoa học, văn hóa dân tộc...</p>	<p>Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>

TT	<p style="text-align: center;">Nhiệm vụ giải pháp</p>	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	<p style="text-align: center;"></p> <p>- Đòi mới phương pháp dạy học phù hợp với học sinh dân tộc thiểu số; đảm bảo chất lượng dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc; làm tốt công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS. Chú trọng giáo dục đoàn kết các dân tộc; văn hóa các dân tộc cho học sinh; thực hiện các hoạt động giáo dục đặc thù, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống; chuyển mạnh sang hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm gắn với xây dựng mô hình trường học gắn với thực tiễn, nội trú, bán trú tự quản, hướng nghiệp - dạy nghề; tăng cường kỹ cương, nề nếp trong quản lý thực hiện nhiệm vụ giáo dục dân tộc, đặc biệt là thực hiện chế độ, chính sách cho CBQL, GV, HS.</p>	Sở Giáo dục và DT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan
3.5	<p><i>Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non, xóa mù chữ; giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh; xây dựng xã hội học tập.</i></p> <p>- Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, nhất là phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 4 tuổi; duy trì 100% số xã, huyện đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3. Tỷ lệ phổ cập giáo dục THCS phấn đấu và duy trì đạt mức độ 2 ở các huyện, thị xã, thành phố.</p>	Sở Giáo dục và DT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan
	<p>- Xóa mù chữ mức độ 1, mức độ 2 khoảng 6.000 người trong độ tuổi từ 15 - 60; nâng tỷ lệ người biết chữ lên 96%; đào tạo nghề cho người lao động, trong đó, người biết chữ trong độ tuổi từ 15-35 đạt tỷ lệ 32%.</p>	Sở Giáo dục và DT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan
	<p>- Tăng cường tổ chức các Hội nghị, ngày hội tư vấn định hướng nghề nghiệp, tuyên sinh gắn với giải quyết việc làm cho học sinh trên địa bàn toàn tỉnh, địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025 (Đề án số 522 của Thủ tướng chính phủ).</p>	Sở Giáo dục và DT, Sở Lao động - TBXH	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan
3.6	<p><i>Đổi mới công tác quản lý giáo dục và đào tạo, đảm bảo dân chủ, công khai, thông nhất; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục.</i></p>		

Nhiệm vụ giải pháp

TT		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	<p>- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, công khai, minh bạch đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người lao động. Tiếp tục tổ chức triển khai tốt công tác chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định. Giải quyết kịp thời, dứt điểm những bức xúc, khiếu nại, tố cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.</p>	<p>Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
	<p>- Thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính; thực hiện dân chủ trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị; Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ.</p>	<p>Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành</p>
	<p>3.7. <i>Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng dạy, học ngoại ngữ, tin học..</i></p>		
	<p>- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, Kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục; Xây dựng, hoàn thiện và triển khai đồng bộ Nền tảng quản lý thông tin tổng thể ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai.</p>	<p>Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
	<p>- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử.</p>	<p>Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
	<p>- Xây dựng hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học.</p>	<p>Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
	<p>- Xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn ngoại ngữ của từng đơn vị, từng khối lớp, phù hợp với mục tiêu và điều kiện thực tế. Xây dựng kế hoạch dạy tích hợp tiếng Anh trong môn học, dạy song ngữ tiến tới dạy các môn khoa học bằng tiếng Anh; Tăng cường công tác đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng chuẩn quốc tế.</p>	<p>Sở Giáo dục và DT, Sở Lao động - TBXH</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
	<p>3.8 <i>Đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông:</i></p>	<p>Sở Giáo dục và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố;</p>


TT	Nhiệm vụ giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	<p>Thường xuyên quan tâm, tổ chức các hoạt động giáo dục, thăm quan trải nghiệm,... về giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Nâng tỷ lệ học sinh tham gia học nghề phù hợp gắn với tạo việc làm ổn định, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và chất lượng lao động của tỉnh</p>  <p>3.9 Chủ động hội nhập, hợp tác và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế</p>	<p>ĐI, Sở Lao động - TBXH</p>	<p>Các sở, ban ngành có liên quan</p>
	<p>Tăng cường hợp tác, giao lưu tiếp thu các phương pháp công nghệ, đưa chương trình học tiên tiến của nước ngoài vào các cơ sở giáo dục, đào tạo của tỉnh. Khuyến khích các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp chủ động hội nhập quốc tế, liên kết đào tạo; thu hút, tiếp nhận người nước ngoài, chuyên gia, giảng viên giỏi đến giảng dạy tại các cơ sở giáo dục,...</p>	<p>Sở Giáo dục và ĐT, Sở Lao động - TBXH,</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan; các cơ sở GDNN; Phân hiệu đại học Thái Nguyên tại Lào Cai</p>
4	<p>Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp (GDNN), đáp ứng nhu cầu đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường lao động.</p>		
4.1	<p>Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhằm thay đổi nhận thức, trách nhiệm và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, từng hộ gia đình và người dân về học nghề gắn với giải quyết việc làm có thu nhập ổn định cho người lao động là "chìa khóa" giúp thực hiện thành công cuộc giảm nghèo bền vững ở các địa phương.</p>	<p>Sở Lao động - TBXH</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
4.2	<p>Đa dạng hóa các hình thức, phương thức tuyên truyền cung cấp thông tin về giáo dục phân luồng, định hướng nghề nghiệp, việc làm. Khuyến khích thành lập các nhóm zalo Tổ trưởng/trưởng thôn và các thành viên thuộc cụm, tổ dân cư để trao đổi thông tin chính thống về định hướng học nghề gắn với giải quyết việc làm, nhu cầu nhân lực, tuyển lao động của doanh nghiệp đến với người dân.</p>	<p>Sở Lao động - TBXH, Sở Giáo dục và ĐT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
4.3	<p>Tổ chức Ngày hội tư vấn hướng nghiệp – Giới thiệu việc làm cấp tỉnh lần thứ 2 năm 2024, thu hút khoảng 1.200 học sinh, sinh viên, người lao động tham gia tư vấn định hướng nghề nghiệp, kết nối tìm việc làm; 18 hội nghị đối thoại về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh THCS, THPT tại 18 điểm trường trên địa bàn tỉnh; 70 phiên giao dịch việc làm lưu động tại các huyện, thị xã, thành phố kết nối việc làm cho người dân.</p>	<p>Sở Lao động - TBXH, Sở Giáo dục và ĐT</p>	<p>Các sở, ban ngành có liên quan; Cơ sở GDNN</p>

TT	Nhiệm vụ giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4.4	<p>Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tăng cường kết nối cung cầu lao động giữa tỉnh Lào Cai với các tỉnh trên cả nước.</p> 	Sở Lao động - TBXH	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan; Cơ sở GDDNN
4.5	<p>Thực hiện sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho các ngành/ngành trọng điểm và các ngành/ngành có nhu cầu đào tạo cao, phù hợp với xu hướng phát triển cho Trường Cao đẳng Lào Cai và các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp. Trong đó tập trung đầu tư đồng bộ các yếu tố nâng cao chất lượng đào tạo cho Trường Cao đẳng Lào Cai từ nguồn lực các Chương trình mục tiêu quốc gia,...</p>	Sở Kế hoạch và DT, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Lao động - TBXH	Các sở, ban ngành có liên quan
4.6	<p>Rà soát, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên làm công giáo dục nghề nghiệp bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo; đảm bảo số lượng giáo viên thực hiện nhiệm vụ.</p>	Cơ sở GDDNN	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan
4.6	<p>Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, chú trọng đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; bồi dưỡng nhà giáo giảng dạy các ngành nghề trọng điểm, đào tạo về ngoại ngữ, kỹ năng nghề quốc gia... đảm bảo từng bước đạt chuẩn nhà giáo cho trường Cao đẳng Lào Cai đạt trường chất lượng cao.</p>	Trường Cao đẳng Lào Cai	Sở Lao động - TBXH, Các sở, ban ngành có liên quan
	<p>Tổ chức 02 lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho khoảng 70 cán bộ, nhà giáo tại các cơ sở GDDNN trên địa bàn tỉnh.</p>	Sở Lao động - TBXH	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở GDDNN

Nhiệm vụ giải pháp

TT		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4.7	<p>Phát triển và triển khai đào tạo một số chương trình chất lượng cao. Rà soát, xây dựng, biên soạn mới, cập nhật, sửa đổi bổ sung, số hóa các chương trình, giáo trình và tài liệu giảng dạy, học tập để cung cấp tư liệu học tập cho người học. Triển khai các nội dung về chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Ứng dụng thiết bị internet, truyền hình, video Clip trong công tác giảng dạy và thực hành.</p>	<p>Các cơ sở GDNN</p>	<p>Sở Lao động - TBXH, Các sở, ban ngành có liên quan</p>
4.8	<p>Duy trì liên kết đào tạo với các trường trung cấp, cao đẳng ngoài tỉnh tổ chức đào tạo cho những ngành nghề tỉnh chưa có hoặc còn thiếu so với nhu cầu nhân lực mà các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được.</p>	<p>Sở Lao động - TBXH</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở GDNN</p>
4.9	<p>Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực cho hệ thống trung tâm Dịch vụ việc làm nhằm cung cấp dữ liệu chính xác về thông tin thị trường lao động. Đẩy mạnh hoạt động các phiên giao dịch việc làm tại trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các huyện, thị xã, thành phố cung ứng nhân lực cho thị trường; hỗ trợ, điều phối và quản lý thị trường lao động trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia học nghề, tiếp cận thông tin về thị trường lao động, việc làm và doanh nghiệp để tiếp cận cung lao động.</p>	<p>Sở Lao động - TBXH</p>	<p>Các sở, ban ngành có liên quan; Trung tâm DVVL tỉnh</p>
4.10	<p>Triển khai có hiệu quả các giải pháp về phát triển giáo dục nghề nghiệp, thị trường lao động, tạo việc làm. Đào tạo lực lượng lao động của tỉnh đủ về số lượng, cơ cấu và chất lượng phù hợp với nhu cầu sử dụng, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm. Đặc biệt quan tâm đào tạo nghề, hỗ trợ kết nối việc làm cho người lao động yếu thế (Người bị thu hồi đất sản xuất, người khuyết tật, người chấp hành xong án phạt tù,...), thanh niên hoàn thành nghĩa vụ đối với Tổ quốc,...</p>	<p>Sở Lao động - TBXH</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở GDNN</p>
4.11	<p>Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác tổ chức giảng dạy, đào tạo giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh được duy trì thường xuyên liên tục.</p>	<p>Sở Lao động - TBXH</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở GDNN</p>

Nhiệm vụ giải pháp

TT		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
5	<p align="center">Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực.</p>  <p>Tiền khai, hướng dẫn CBCCVN tham gia đăng ký dự tuyển các Chương trình học bổng phát triển của chính phủ các nước: Ấn Độ, Nhật Bản, Anh, Australia... để dành các suất học bổng đào tạo sau đại học ở nước ngoài dành cho cán bộ, công chức, viên chức</p>	Sở Nội vụ	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan
5.2	Đẩy mạnh phối hợp, hợp tác quốc tế về đào tạo nhân lực, đặc biệt là đào tạo ngoại ngữ, chia sẻ tiếp cận khoa học kỹ thuật tiên tiến trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động	Sở Nội vụ,	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan
5.3	Tiếp tục hội đàm với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc để nói lại việc đưa lao động qua biên giới làm việc theo hợp đồng, mở rộng cơ hội việc làm cho người dân trên địa bàn tỉnh.	Sở Lao động - TBXH	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan
5.4	Tiếp tục triển khai các chương trình hợp tác quốc tế với các tổ chức quốc tế như: (1) Hợp tác với tổ chức GIZ (Đức); (2) Hợp tác với trường Đại học KOPO 4 của Hàn quốc; (3) Hợp tác với Úc thông qua dự án Great trong lĩnh vực du lịch; (4) Hợp tác với Đại sứ quán Mỹ thông qua chương trình tiếng Anh thuộc dự án Access; (5) Hợp tác với các trường Đại học, Cao đẳng của tỉnh Vân Nam – Trung Quốc); (6) Hợp tác với Phần Lan thông qua tổ chức Findpartnership,... để phát triển chương trình, đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, đào tạo sinh viên để có thể làm việc ở trong nước và nước ngoài	Trường Cao đẳng Lào Cai	Sở Lao động - TBXH, Các sở, ban ngành có liên quan
	Tăng cường triển khai các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.		

Nhiệm vụ giải pháp

TT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
<p>5.5</p> <p>Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức nhằm kịp thời chuyển tải chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đặc biệt là chính sách hỗ trợ chi phí, vay vốn; tuyên truyền về hiệu quả, lợi ích mang lại, nâng cao nhận thức của người dân, nhằm tạo bước chuyển biến tích cực, tạo thành phong trào mạnh mẽ trong công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Nâng cao chất lượng tuyển chọn đầu vào , giúp người lao động có thời gian tìm hiểu trước về công ty tiếp nhận, công việc tại nước ngoài cũng như có định hướng , mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng, tác phong tích cực, từ đó được các doanh nghiệp sử dụng lao động ở nước ngoài tuyển chọn, đánh giá cao.</p>	<p>Sở Lao động - TBXH</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan, các doanh nghiệp tuyển lao động xuất khẩu.</p>
<p>6</p> <p>Hoàn thiện cơ chế, chính sách, chương trình, đề án; huy động, bảo đảm nguồn lực đầu tư phát triển nguồn nhân lực.</p>		
<p>6.1</p> <p>Xây dựng quan hệ lao động lành mạnh, bảo đảm an toàn lao động và các chế độ về tiền lương, phúc lợi xã hội đối với người lao động trong doanh nghiệp theo pháp luật.</p>	<p>Sở Lao động - TBXH</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
<p>6.2</p> <p>Xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế xã hội thu hút, kêu gọi tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vào đầu tư tại tỉnh, thu hút lao động của tỉnh Lào Cai vào làm việc gắn với thu nhập ổn định.</p>	<p>Sở Kế hoạch và DT</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
<p>6.3</p> <p>Đề xuất xây dựng chính sách đặc thù của địa phương “Hỗ trợ đầu tư, phát triển hệ thống Kỹ thuật Khu, cụm công nghiệp”; tiếp tục chủ động, tích cực hỗ trợ, khuyến khích hình thành cụm công nghiệp theo kế hoạch 358/KH-UBND ngày 28/10/2022 để tạo mặt bằng sạch để thu hút các nhà đầu tư.</p>	<p>Sở Lao động - TBXH</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>

Nhiệm vụ giải pháp

TT		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6.4	<p>Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, thu hút nhiều lao động, đặc biệt là lao động nông thôn và lao động là người dân tộc thiểu số có việc làm ổn định. Đề xuất xây dựng chính sách đặc thù của địa phương “Hỗ trợ kinh phí ban đầu cho người lao động thất nghiệp Lao Cai trước khi đi làm việc ngoài tỉnh theo hợp đồng từ 01 tháng trở lên”</p>	<p>Sở Lao động - TBXH</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
6.5	<p>Đẩy mạnh các hoạt động nâng cao ý thức của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về chuyển đổi số và thương mại điện tử xuyên biên giới đặc biệt với những ngành hàng nông sản. Đề xuất với Bộ Công Thương phối hợp với các tập đoàn thương mại điện tử xuyên biên giới trong và ngoài nước tổ chức các hoạt động đào tạo giúp từng bước nâng cao khả năng chuyên đổi số, tập huấn kỹ năng bán hàng (bao gồm cả marketing, dịch vụ khách hàng, dịch vụ sau bán hàng...) trên môi trường số, tiến tới xây dựng và củng cố thương hiệu hàng hóa của Lào Cai.</p>	<p>Sở Công Thương</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>
6.6	<p>Tổ chức khóa đào tạo tập huấn ngắn hạn cho doanh nghiệp trong vùng Tây Bắc; Tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ xúc tiến thương mại tại TP Lào Cai và huyện Bát Xát; Tổ chức lớp tập huấn phát triển nguồn nhân lực thương mại tại huyện Bát Xát và huyện Văn Bàn.</p>		
6.7	<p>Tiếp tục bố trí, cân đối nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương (Dự án, Đề án, Chương trình MTQG, Chương trình mục tiêu,...), địa phương đảm bảo triển khai hiệu quả công tác phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai năm 2024.</p>	<p>Sở Kế hoạch và DT, Sở Tài chính, Sở Lao động - TBXH</p>	<p>UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban ngành có liên quan</p>